

BÁO CÁO

Tổng kết việc thực hiện Đề án “Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016- 2020”

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Qua 04 năm thực hiện Quyết định 654/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020”, ngành giáo dục và đào tạo có những thuận lợi cơ bản như sau:

Ba Thông tư về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các cấp học¹ được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/8/2018 đã quy định chặt chẽ hơn, nhằm nâng cao uy tín của một trường khi đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia, tạo cơ sở để các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt được xã hội đồng tình, cộng đồng địa phương ủng hộ và xã hội cùng cộng đồng địa phương cũng đồng tình chống bệnh hình thức, bệnh thành tích. Không co ép, hạ thấp tiêu chí để đạt chỉ tiêu số lượng trường đạt chuẩn đã đề ra.

Kế hoạch đầu tư trung hạn được công bố, hàng năm Hội đồng nhân dân tỉnh đã xem xét phê duyệt điều chỉnh bổ sung, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Đề án trong thực hiện tiêu chí đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

Toàn ngành hiện có 646 đơn vị² trường học (MN 159, TH 268, PTCS 56, THCS 110, THCS&THPT 29, THPT 23, TT.GDTX 01); với 10.853 nhóm/lớp; huy động 350.877 học sinh (MN 47.020, TH 162.132, THCS 101.730, THPT 39.573, GDTX tỉnh 422; có 22.116 cán bộ, giáo viên và nhân viên (CBQL 1.502, GV 18.955, NV 1.659).

Số học sinh do thực hiện phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi nên tăng mạnh, tăng từ 4.000 đến 6.000 trẻ/năm (cả ngoài công lập). Học sinh tiểu học duy trì trên

¹ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông nhiều cấp học; số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

² Theo báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2020-2021.

dưới 160.000 học sinh. THCS tăng khoảng 2.000 và THPT tăng khoảng 2.000 học sinh so lúc lập Đề án.

Năm năm qua, số phòng học tăng thêm 2.037 phòng. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông ổn định, không biến động lớn.

Việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục được nâng lên. Từng trường, từng đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cử CBQL, giáo viên tham gia học các lớp chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ chính trị và trình độ quản lý.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Đề án còn nhiều khó khăn, có những khó khăn rất khó tháo gỡ, cụ thể như:

Quỹ đất để mở rộng diện tích cho các trường đạt chuẩn tối thiểu theo quy định hầu như nhiều nơi không còn, nhiều trường, nhất là ở nội thành, nội thị muốn mở rộng diện tích nhưng chi phí bồi thường giải tỏa rất lớn, thậm chí có tiền cũng không thể mua được.

Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư xây dựng nhà trường còn tùy thuộc điều kiện kinh tế xã hội nơi trường đóng, một số ít trường có nhiều phụ huynh có điều kiện kinh tế tốt thì huy động được, phần lớn các trường còn lại thì huy động khó, nếu huy động được thì cũng rất ít.

Đổi mới phương pháp dạy học là yêu cầu tất yếu để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Song còn nhiều bất cập, thiết bị dạy học hiện đại nhưng trình độ sử dụng, thao tác, vận hành của cán bộ, giáo viên nhiều nơi không cập nhật kịp, không sử dụng được, đôi khi phải quay lại phương pháp truyền thống để truyền đạt cho học sinh.

Thiết bị hiện đại phục vụ dạy học ngày càng đa dạng, phong phú, nhiều tiện ích, song cũng mau lạc hậu, hao mòn vô hình; một số cơ sở giáo dục và giáo viên quản lý, khai thác sử dụng thiết bị vào dạy học còn hạn chế, thiếu tích cực, gây hư hỏng, lãng phí.

Kinh phí đầu tư cho Đề án chủ yếu là lồng ghép, các mục tiêu giáo dục lại không ngừng tăng lên (PCGDMN5T, thực hiện tiêu chí nông thôn mới, chuẩn bị cho thay đổi chương trình sách giáo khoa mới và nhất là phải chi trả chiết tính, hợp đồng giáo viên trong tình trạng thiếu hụt có đến 1.217 biên chế), nên nhìn chung hầu hết các nguồn vốn cho thực hiện Đề án kể cả nguồn XHH là rất khó đáp ứng

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA, TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM, TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 2016-2020”.

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, lập kế hoạch, triển khai, tổ chức tuyên truyền thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt

1.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện

Từ khi có Thông tư số 17,18,19/TT-BGDĐT, Sở đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quy trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia cho các trường mầm non và phổ thông trong tỉnh. Theo đó, mỗi cơ sở giáo dục trong Đề án đều có Kế hoạch xây dựng mục tiêu, lộ trình kiểm định chất lượng, đánh giá công nhận trường đạt chuẩn, duy trì trường chuẩn và nâng mức đạt chuẩn...từ đó có giải pháp cụ thể đảm bảo; hầu hết đề nghị kiểm định, đánh giá, công nhận của các cơ sở giáo dục đều được giải quyết kịp thời, không có hồ sơ tồn đọng.

Nội dung thực hiện Đề án được lồng ghép báo cáo định kỳ, với các đợt kiểm tra, thanh tra tại các cơ sở giáo dục. Sở GDĐT cũng đã tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện ĐA, thường xuyên nhắc nhở, chấn chỉnh và đề xuất các cơ quan thẩm quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; Sở đã phối hợp chặt chẽ Ban điều phối xây dựng Nông thôn mới phát động phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo tiêu chí xã nông thôn mới, tổ chức đánh giá kết quả các địa phương đạt chuẩn NTM, trong đó các tiêu chí 05 và 14 được đảm bảo theo lộ trình.

1.2. Công tác tuyên truyền

Kết hợp triển khai việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương, phát động trong toàn ngành phát huy nội lực, chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng và phát triển trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt. Tập trung huy động các nguồn lực, đầu tư nhân lực và vật lực cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện thắng lợi mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong tình hình mới. Làm cho mỗi địa phương thấy được việc xây dựng hệ thống trường chuẩn, trường trọng điểm, trường chuyên biệt (nếu có) trên địa bàn là quan trọng. Những trường đạt chuẩn quốc gia như những đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của giáo dục địa phương và của tỉnh thoát khỏi “vùng trũng”, nâng chỉ số giáo dục của tỉnh lên ngang mức trung bình của cả nước.

Qua triển khai quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo các Phòng GDĐT cấp huyện và các cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa thực hiện đạt 100%.

2. Kết quả cụ thể

** Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 số trường đạt chuẩn quốc gia trên toàn tỉnh có cụ thể như sau:*

Giai đoạn 2016-2020, công nhận mới 118 trường (MN: 34; TH: 45; TH-THCS: 4; THCS: 23; THCS-THPT: 6; THPT: 6), công nhận lại 58 trường. Đến nay, toàn tỉnh có 290 trường đạt chuẩn quốc gia trong tổng số 619 trường hiện có, đạt 46,85% (không kể đơn vị trường học ngoài công lập). (biểu 1 kèm theo)

Theo mục tiêu của Đề án, đến 2020, trên 80% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; 60% trường đối với tiểu học, 50% trường đối với trung học cơ sở, 36% trường đối với trung học phổ thông.

Đến nay, bậc Mầm non đạt 63/140 trường, trong đó công nhận mới 34 trường đạt (45 %), Tiểu học 135/262 trường, công nhận mới 45 trường đạt (51,53%), Tiểu học - Trung học cơ sở 4/59 trường, công nhận mới 4 trường đạt 6,78%, Trung học cơ sở 73/108 trường, công nhận mới 23 trường đạt (67,59%), Trung học cơ sở - Trung học phổ thông 06/28 trường, công nhận mới 06 trường đạt (21,43 %), Trung học phổ thông 09/22 trường, công nhận mới 06 trường đạt (40,91 %).

Qua thống kê cho thấy có các huyện như: Vĩnh Thuận, Gò Quao, Giồng Riềng, TP. Hà Tiên, Châu Thành, An Biên là các đơn vị phát triển trường đạt chuẩn khá (đạt trên 50%). (*biểu 2 kèm theo*)

3. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt.

Để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của toàn tỉnh, có những giải pháp căn cơ, sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền các cấp, các ngành; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện/thành phố, xã/phường/thị trấn bằng các giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Tập trung điều chỉnh quy hoạch mạng lưới, quy mô các trường, quy hoạch đất đai cho các nhà trường phấn đấu đạt chuẩn

Ngành giáo dục và đào tạo đã tham mưu cho cấp ủy, UBND cùng cấp xây dựng các kế hoạch phát triển trường đạt chuẩn quốc gia từng giai đoạn, quy hoạch và mở rộng quỹ đất; di dời điểm trường, xóa điểm lẻ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tranh thủ các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án, từ nhiều nguồn kinh phí hỗ trợ của địa phương. Trong những năm qua toàn tỉnh đã xóa điểm lẻ, di dời, mở rộng quy hoạch quỹ đất xây trường mới với diện tích đạt chuẩn nổi bật như huyện Gò Quao, Vĩnh Thuận, An Biên...cụ thể Trường tiểu học Vĩnh Thắng 1, Định An 1, Định Hòa 1, Vĩnh Hòa Hưng bắc 1, Thới Quản 2 của huyện Gò Quao; Trường tiểu học Tân Thuận 2, Vĩnh Phong 4 của huyện Vĩnh Thuận; Trường Tiểu học Tây Yên A1, Nam Thái 1 huyện An Biên; ... từ cách làm này cùng với việc đầu tư xây dựng đồng bộ nên cơ sở rất khang trang và đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.

Tiến hành kiểm tra, rà soát việc quy hoạch mạng lưới trường lớp học đến 2020 và giai đoạn 2021-2025, thống nhất một bước với các huyện, thành phố lộ trình sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân. Sắp xếp, tổ chức lại gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương theo tinh thần

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII:

Dự kiến sắp xếp lại như sau

* Về số trường mầm non và phổ thông: Toàn tỉnh hiện có 619 trường công lập, đến 2025 dự kiến còn 568 trường:

- MN có 140 trường, đến 2025 có 144 trường
- TH có 262 trường, đến 2025 có 214 trường
- THCS có 108 trường, đến 2025 có 53 trường
- THPT có 22 trường, đến 2025 có 22 trường
- TH+THCS có 59 trường, đến 2025 có 104 trường
- THCS+THPT có 28 trường, đến 2025 có 31 trường.

3.2. Tăng cường đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ, cán bộ quản lý, giáo viên.

Xác định đội ngũ là điều kiện tiên quyết để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu tích cực cho Lãnh đạo tỉnh về công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các nhà trường nhằm đáp ứng ngày càng cao yêu cầu giáo dục và đào tạo, đã phối hợp tốt với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội mở nhiều lớp học Cử nhân Giáo dục tiểu, cử nhân giáo dục mầm non; Phối hợp với Trường Đào tạo cán bộ quản lý Trung ương 2 để mở các lớp Quản lý giáo dục, Phối hợp các trường Cao đẳng của tỉnh, khu vực, trường Chính trị mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ quản lý. Làm tốt vai trò tham mưu trong công tác biên chế viên chức trong ngành giáo dục để dần đáp ứng yêu cầu quy định theo vị trí chức danh nghề nghiệp đặc biệt là đối với những trường xây dựng trường tiểu học, mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Từ chỗ các trường thiếu biên chế giáo viên về số lượng và chưa đồng bộ về cơ cấu; khắc phục dần tình trạng thiếu giáo viên rút ngắn khoảng cách trình độ chuyên môn, ổn định dần về cơ cấu định mức từ chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp, đến nay tất cả các trường đạt chuẩn quốc gia có đủ cán bộ quản lý theo quy định. 100% giáo viên trong các trường chuẩn quốc gia đều đạt chuẩn trở lên, cán bộ quản lý được bổ nhiệm theo đúng quy định, có đủ năm thực hiện công tác giảng dạy, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có đủ trình độ lý luận Chính trị, bước đầu đảm bảo nguồn giáo viên dạy các môn Âm nhạc, Mĩ thuật và Thể dục, nhiều nơi các Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện xã hội hóa về giáo viên dạy Tiếng Anh(TH); làm quen tiếng Anh cho trẻ mầm non theo quyết định số 1909/QĐ-UBND tỉnh phê duyệt (huyện An Biên, Châu Thành, Tân Hiệp, thành phố Phú Quốc....).

Tình hình chung, việc phát triển đội ngũ cán bộ quản lý khá ổn định. Riêng đội ngũ giáo viên phát triển thiếu đồng bộ và cục bộ, vừa thừa, vừa thiếu.

Nếu tính bình quân chung cho từng đơn vị có thừa nhưng thực tế thiếu giáo viên ở một số bộ môn như ngoại ngữ, nhạc, mỹ thuật...

Bình quân số giáo viên cho một lớp học ở ngành học, bậc học theo thống kê năm học 2015-2016 và 2018-2019 như sau:

Năm	GV NT	GV MG	GV TH	GV THCS	GV THPT
2015-2016	1,36/ lớp	1,29/ lớp	1,40/ lớp	1,93/ lớp	2,27/ lớp
2018-2019	1,43/ lớp	1,46/ lớp	1,45/ lớp	1,92/ lớp	2,25/ lớp

Toàn ngành hiện có 22.116 cán bộ, giáo viên và nhân viên (CBQL 1.502, GV 18.955, CNV 1.659); tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ, hiện toàn ngành còn thiếu hơn 1.200 biên chế (do thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; tăng cường dạy học 2 buổi/ngày; thực hiện nhiều hoạt động giáo dục bổ trợ...).

3.3. *Đổi mới phương pháp dạy học:*

Triển khai nhân rộng các phương pháp dạy học mới, lấy người học làm trung tâm, đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Rèn luyện cho người học có kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin, áp dụng vào thực tiễn để giải quyết vấn đề.

Các cơ sở GDMN tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; 100% trường mầm non, mẫu giáo có máy vi tính, tất cả đều được nối mạng Internet.

Nhằm đổi nâng cao chất lượng giáo dục, Sở đã tổ chức “Hội thi giáo viên dạy giỏi bậc học mầm non cấp tỉnh năm học 2017-2018”; Cuộc thi “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong các cơ sở giáo dục mầm non”; “Hội thi giáo viên dạy giỏi bậc học THPT cấp tỉnh năm học 2020-2021”.

Tăng cường chỉ đạo việc đổi mới quản lý trường tiểu học, đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học gắn với đẩy mạnh việc đổi mới đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT. Thường xuyên khảo sát, theo dõi chất lượng học tập, đồng thời tổ chức kiểm tra, tư vấn hỗ trợ dạy học tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục và dạy học theo mô hình trường học mới; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

Chỉ đạo các Trường Trung học tích cực nâng cao chất lượng và hiệu quả sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy gắn liền với sản xuất thực tiễn tại địa phương; chú trọng nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; tích cực thực hiện các chủ đề dạy học liên môn, các nội dung dạy học lồng ghép trong các môn học (giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo...); thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp; dạy nghề phổ thông và nghề truyền thống của địa phương; tăng cường nền nếp, kỷ cương, chất lượng, hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học; chú trọng giáo dục học sinh về đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng.

3.4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt mục tiêu kiên cố hóa trường lớp, Chương trình, dự án VNEN, SEQAP... để hỗ trợ, tăng cường về cơ sở vật chất. Tăng cường đầu tư các phòng chức năng, hàng rào, sân chơi bãi tập... Thực hiện tốt phong trào "Xanh, sạch, đẹp", xây dựng vườn trường, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải...đến nay toàn tỉnh có 281/294 trường tiểu học đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp đạt tỷ lệ 95,57%, nhiều trường học thật sự là nơi tin cậy của phụ huynh yên tâm gửi con đến trường, mỗi ngày các em đến trường là một niềm vui.

Có thể khẳng định qua 5 năm thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất trường trong địa bàn toàn tỉnh đã có sự đổi thay toàn diện từ diện mạo bên ngoài đến các công trình phụ, trang trí bên trong lớp học, từ khuôn viên cảnh quang, môi trường hoạt động bên trong và bên ngoài lớp học được giáo viên xây dựng để học sinh được học tập, khám phá, trải nghiệm nhằm mục đích giúp trẻ phát triển toàn diện ở các lĩnh vực theo yêu cầu mục tiêu Chương trình (quy định của Bộ GDĐT). Cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện đã tác động tích cực đến quá trình dạy và học, kết quả giáo dục của các nhà trường. Góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục đào tạo và quá trình đổi mới đất nước.

Ngành cũng đã tranh thủ từ nguồn kinh phí xây dựng cơ bản đầu tư giai đoạn 2016 đến 2020 cho ngành: 2.168.050 triệu đồng. Trong đó: nguồn ngân sách 1.360.111 triệu đồng, nguồn xổ số kiến thiết 720.102 triệu đồng, nguồn vốn ODA 56.437 triệu đồng, nguồn chương trình mục tiêu 31.400 triệu đồng cho 3.615 phòng, trong đó: số phòng học xây mới 2.037 phòng, phòng học bộ môn xây mới 131 phòng, nhà vệ sinh xây mới 128 và cải tạo sửa chữa 1.319 phòng học, đồng thời hàng năm ngành đã cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên lồng ghép mua sắm trang thiết bị giảng dạy đáp ứng nhu cầu trường đạt chuẩn Quốc gia (biểu 3 kèm theo).

3.5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao nhận thức toàn xã hội trong việc giáo dục học sinh và chăm lo các điều kiện cho sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ với ban đại diện cha mẹ học sinh, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc quản lý, quản lý giáo dục đạo đức học sinh.

Trong nhiều năm qua các đơn vị, tổ chức nhiều nhà hảo tâm, mạnh thường quân đã và đang có sự đóng góp quan trọng để các trường hoàn thiện cơ sở vật chất như: Nhà xe, sân chơi, nhà đa năng, nhiều nơi đang đầu tư hồ bơi... đã luôn sát cánh cùng giáo dục, chia sẻ, động viên, hỗ trợ để giáo dục Kiên Giang có được những thành quả như hôm nay; điển hình ở một số đơn vị như: tiểu học Tân thuận 2 (Vĩnh Thuận), tiểu học Thị trấn Gò Quao, tiểu học Đông Hồ (thành phố Hà Tiên)...

Vận động doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia đóng góp đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị bổ sung để trường đạt chuẩn quốc gia, chuẩn nông thôn mới cụ thể: Ngân hàng Techcombank tài trợ trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt: 105 tỷ đồng; Ngân hàng Công thương, Ngoại thương tài trợ trường THCS và THPT Vĩnh Bình Bắc: 42, 2 tỷ đồng; Nhà máy xi măng Hà Tiên 1 tài trợ trường TH và THCS Vĩnh Phú B: 25 tỷ đồng; Nhà máy xi măng Insse Việt nam tài trợ trường nhiều cấp học Kiên Bình: 62,3 tỷ đồng và các doanh nghiệp khác tài trợ cho một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. (biểu số 4 kèm theo).

3.6. Chú trọng công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Hàng năm Sở GDĐT thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện công tác xây dựng và duy trì kết quả đạt chuẩn quốc gia tại địa phương thông qua các kế hoạch kiểm tra hoạt động chuyên môn; thanh tra chuyên ngành các tổ đến kiểm tra thực tế các hoạt động cụ thể tại các cơ sở giáo dục thuộc các phòng GDĐT huyện, thành phố có đánh giá, tư vấn thúc đẩy hỗ trợ các đơn vị thực hiện tốt hơn trong những năm tiếp theo; đồng thời Sở đã hoàn thành việc tổ chức nghị hội sơ kết, nhằm đánh giá công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nêu cụ thể những thuận lợi khó khăn, đánh giá những mặt làm được và nguyên nhân những mặt chưa làm được; xây dựng giải pháp thực hiện nhằm từng bước tháo gỡ những khó khăn trong những năm tiếp theo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong 05 năm (2016-2020) việc thực hiện trường chuẩn quốc gia của tỉnh đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong tiến trình đổi mới và hội nhập. Khẳng định sự nghiệp giáo dục và đào tạo Tỉnh nhà đang trên đà phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả về quy mô, số lượng và chất lượng.

Quy mô, mạng lưới trường, lớp được quy hoạch cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em trong tỉnh. Hệ

thống các trường mầm non công lập, tư thục, các trường phổ thông được đầu tư theo hướng hiện đại.

Cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng đầu tư và từng bước tăng cường theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa. Đầu tư cơ sở vật chất là nội dung có ảnh hưởng đến kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có nhận thức cao về nhiệm vụ và trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết không quản ngại khó khăn để huy động, duy trì số lượng học sinh và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp học ngày càng tăng. Cán bộ quản lý năng động, linh hoạt, sáng tạo trong công tác tham mưu, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Công tác quản lý kỷ cương trường học được nâng cao. Việc đổi mới phương pháp quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ngày càng hiệu quả. Vai trò lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng có nhiều chuyển biến tích cực; ý thức học tập tự nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức của giáo viên được nâng lên; công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức có chuyển biến, quyết tâm hơn; kinh phí thực hiện đề án cũng được quan tâm, lồng ghép để thực hiện.

Công tác xã hội hóa giáo dục từng bước được đẩy mạnh. Nhận thức của cấp ủy chính quyền địa phương và nhân dân về mục đích và ý nghĩa, vai trò và nhiệm vụ trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các nguồn lực huy động hỗ trợ cho giáo dục được sử dụng có hiệu quả và tác động tích cực cho đơn vị trường học.

Các trường học đã triển khai thực hiện đầy đủ, đạt chất lượng trong các hoạt động giáo dục, các cuộc vận động và các phong trào thi đua. Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các cấp học ổn định, củng cố và phát triển toàn diện, đạt kết quả cao, góp phần không nhỏ vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội và phát triển đi lên của tỉnh, đất nước trong đổi mới, hội nhập.

Các trường đạt chuẩn quốc gia đã khẳng định được chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các bậc phụ huynh học sinh cũng như toàn xã hội.

2. Nguyên nhân mặt làm được

Những năm vừa qua với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể, các địa phương. Ngành giáo dục và đào tạo đã đạt được nhiều kết quả trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường học đạt (CQG), công tác này đã góp phần mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho học sinh và cộng đồng.

3. Hạn chế

Nhìn chung, khó khăn trong quá trình xây dựng trường (CQG) của các địa phương chủ yếu là thiếu đội ngũ, thiếu cơ sở vật chất. Ngân sách đầu tư cho xây dựng mới và duy trì các trường học (CQG) còn hạn chế, số trường cần duy trì

chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục và đào tạo.

Quỹ đất để mở rộng diện tích cho các trường đạt chuẩn tối thiểu theo quy định gặp khó khăn, nhất là ở địa bàn đô thị, nên nhiều trường quy mô nhỏ, diện tích chật hẹp nhưng không thể mở rộng thêm.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa đồng bộ ở một số cấp học nên việc nâng cao chất lượng toàn diện theo hướng đổi mới chưa đạt hiệu quả tối ưu. Đội ngũ thư viện, thiết bị, văn phòng còn thiếu theo yêu cầu.

Phối hợp với các ban ngành liên quan trên địa bàn có lúc có nơi chưa được đồng bộ, dẫn đến chưa huy động được tối đa sự tham gia của xã hội, của cộng đồng cho giáo dục đào tạo.

Công tác rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp học theo hướng tăng quy mô, xây dựng trường (CQG), giảm dần các điểm nhỏ lẻ, lớp ghép. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp khó khăn về kinh phí thực hiện. (Kinh phí bồi hoàn, giải tỏa, đầu tư xây mới nhà học, nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, sân chơi bãi tập....)

Việc triển khai quy trình, thủ tục để được công nhận trường đạt (CQG) ở một số Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa làm chuyển biến đến tận Hiệu trưởng và giáo viên của trường trong Đề án. Một số trường, nhất là tập thể lãnh đạo nhà trường chưa phát huy trách nhiệm, có dấu hiệu ngán ngại không phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn.

Quá trình xây dựng trường đạt (CQG) cần có sự đầu tư đồng bộ giữa chất lượng chăm sóc, chất lượng về môi trường, diện tích đất, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, và đào tạo đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên... trong khi nguồn vốn đầu tư chưa được phân bổ riêng mà chỉ lồng ghép với các chương trình dự án khác. Nhiều cơ chế chính sách còn ràng buộc chưa có giải pháp hữu hiệu để đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

Việc phối, kết hợp với các ban ngành liên quan ở từng địa bàn có lúc có nơi chưa đồng bộ, chưa cụ thể, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo điều hành. Nhiều trường sau khi đã được công nhận chưa có kế hoạch duy trì và nâng lên mức độ theo Thông tư 17,18,19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có trường đã quá 5 năm chưa đề nghị công nhận lại.

4. Nguyên nhân hạn chế:

Việc chỉ đạo thực hiện Đề án chưa quyết liệt và chưa thường xuyên liên tục. Còn một số bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên chưa quyết tâm việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Một số cán bộ lãnh đạo giáo dục huyện chưa quan tâm trong thực hiện Đề án.

Một số cán bộ lãnh đạo địa phương chưa thật sự quyết tâm, chưa ưu tiên đầu tư các nguồn lực, từ đó chưa tương xứng với mục tiêu, lộ trình của Đề án.

Xu thế phụ huynh, ai cũng muốn cho con học trường có chất lượng, nên gặp khó cho những trường quá sĩ số học sinh cho một lớp học, thiếu diện tích đất theo tiêu chuẩn, nhất là các trường thuộc địa bàn trung tâm thành phố, trung tâm thị trấn.

Thông tư số 17,18,19/TT-BGDĐT còn mới mẻ, cán bộ quản lý còn lúng túng, nhất là ở cơ sở trường học. Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng vẫn còn chậm và gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở vật chất, diện tích đất. Bên cạnh đó, việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của ngành gặp khó khăn do quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học là *“Trường có không quá 30 lớp thì mới đảm bảo trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1”* nhưng hiện tại số trường tiểu học của huyện nằm trong lộ trình công nhận đạt chuẩn quốc gia có số lớp từ 37 đến 41 lớp.

Thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cũng là thực hiện thực hiện tiêu chí về giáo dục trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong khi đó, việc giải quyết vướng mắc về kinh phí đầu tư đều nằm ngoài khả năng của ngành giáo dục.

5. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Trong quá trình thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức từ cán bộ đảng viên đến các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân về giáo dục và đào tạo, qua đó huy động các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia. Phát huy vai trò của các đoàn thể địa phương hỗ trợ nhà trường ngoài mục đích là góp phần hỗ trợ, bổ sung về cơ sở vật chất mà còn phối hợp trong quá trình giáo dục toàn diện học sinh.

Thứ hai: Các cấp Ủy địa phương ban hành những Nghị quyết chuyên đề về công tác giáo dục nói chung, nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nói riêng; nhiều nơi làm tốt công tác tham mưu đã nâng chất lượng và tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mang lại kết quả đó là diện mạo trường học khang trang, thân thiện, tạo cảnh quan môi trường sư phạm lành mạnh, đồng thời tạo điều kiện tiên quyết nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở từng địa phương.

Thứ ba: Đặc biệt quan tâm đến xây dựng đội ngũ nán bộ quản lý, giáo viên về đạo đức, phẩm chất nhà giáo, về tay nghề sư phạm. Đội ngũ phải được bồi dưỡng thường xuyên các quan điểm Nghị quyết, Chủ trương của Đảng, Nhà nước, về nghiệp vụ sư phạm, đổi mới phương pháp dạy học... là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng dạy học và hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường. Qua quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia tạo nên được khối đoàn kết tập thể, phát huy nội lực, tinh thần tự giác thi đua, lao động, học tập vươn lên theo mục tiêu giáo dục của nhà trường trong các năm học.

Thứ tư: Qua từng giai đoạn phát triển phải khảo sát hiện trạng trường lớp, bám sát các tiêu chuẩn quy định trong Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo để quy hoạch tổng thể mặt bằng diện tích đất, trường lớp, phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ, sân chơi, bãi tập phù hợp... Việc quy hoạch đầu tư, nhà trường cần tính toán sao cho vừa ổn định lâu dài, vừa đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ từng năm học. Việc cải tạo nâng cấp cần theo hướng chuẩn hóa, quan tâm đến mặt bằng sân chơi, thoát nước, khu vệ sinh, bố trí cây xanh, hài hòa, thân thiện, góp phần làm tăng thêm mỹ quan trường lớp, nhằm thu hút học sinh đến trường học tập ngày càng cao.

Thứ năm: Gắn kết việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia với các phong trào: Xây dựng xã nông thôn mới; Trường xanh, sạch, đẹp và an toàn; Trường học thân thiện, học sinh tích cực... Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua ở mỗi trường, để tổ chức và theo dõi đánh giá kết quả thực hiện hằng năm.

Có thể nói việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là một chủ trương đúng đắn của ngành Giáo dục và Đào tạo, nhằm hướng đến một nền giáo dục hoàn thiện. Việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của tỉnh trong những năm tới chính là một trong những giải pháp cụ thể và hữu hiệu thực hiện Nghị quyết 29-NQ-TW Khóa XI của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo.

IV. Định hướng xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, trường chuyên biệt giai đoạn 2021-2025

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng của các trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, nâng cao chất lượng của các trường đạt chuẩn quốc gia qua từng năm gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới ở các địa phương, nhằm đạt tỷ lệ từ 60% trở lên trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học theo Nghị quyết tỉnh Kiên Giang, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo đáp ứng các yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng 290 trường đã đạt chuẩn quốc gia hiện có, phấn đấu đến năm 2025 có 444 trường mầm non, phổ thông³ đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 71,73%.

- Huy động các nguồn lực đầu tư cho việc công nhận lại các trường hết thời hạn đạt chuẩn và trường công nhận mới. Phấn đấu huy động 2.336 tỷ đồng cho 5 năm 2021-2025.

- Số lượng trường học đề nghị công nhận mới và công nhận lại trong giai đoạn 2021-2025 theo phân kỳ số trường đạt chuẩn từng năm của các đơn vị.

³ Mầm non: 102/140 trường (72,86%), tăng 39 trường; TH: 190/262 trường (72,52%), tăng 55 trường; THCS: 124/167 trường (74,25%), tăng 47 trường; THPT: 28/50 trường (56%), tăng 13 trường

(biểu 5 kèm theo).

3. Các giải pháp chủ yếu:

Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp tỉnh và huyện, xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết về tình hình thực hiện Đề án, kịp thời đề xuất cấp thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

Các cơ sở giáo dục làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tập trung nguồn lực xây dựng trường chuẩn và xây dựng nông thôn mới một cách hợp lý.

Đầu mỗi năm học, phát động đăng ký thi đua xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, từng trường trong Đề án phải xây dựng kế hoạch duy trì, nâng mức kiểm định chất lượng, nâng mức đạt chuẩn hoặc phấn đấu đạt chuẩn, có lộ trình cụ thể. Trong đó, các trường trọng điểm trường chuyên biệt nhất thiết phải xây dựng kế hoạch thông qua lãnh đạo Sở và Phòng chuyên môn của Sở để theo dõi quá trình thực hiện.

Các bộ phận chuyên môn của Sở, tham mưu lãnh đạo Sở ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng trường trọng điểm, trường chuyên biệt đạt chuẩn quốc gia.

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động rà soát cơ sở vật chất hiện có, ưu tiên đảm bảo đủ số lượng 1 lớp/phòng cho việc dạy học 2 buổi/ngày đối với lớp 2 và tiếp tục phối hợp với địa phương xây dựng thêm phòng học mới từ nguồn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn thành lộ trình thay sách giáo khoa Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao nhận thức toàn xã hội trong việc giáo dục học sinh và chăm lo các điều kiện cho sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ với ban đại diện cha mẹ học sinh, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc quản lý, giáo dục đạo đức học sinh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ở các địa phương, các cơ sở giáo dục về tiến độ, lộ trình triển khai.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Tỉnh ủy

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Đối với HĐND tỉnh

Ban hành Nghị quyết về tăng cường công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để huy động toàn xã hội quan tâm đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

3. Đối với UBND tỉnh

Ngành giáo dục được tiếp tục triển khai công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cho giai đoạn 2021-2025 và chỉ đạo UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, đồng thời đầu tư kinh phí cho các huyện, thành phố có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp và đầu tư các phòng chức năng, thư viện nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, phòng bộ môn công trình, nước sạch, trang thiết bị dạy học ...đảm bảo theo quy chuẩn quy định.

Cần bố trí ngân sách đầu tư xây dựng một số trường vùng ven có chất lượng để giải tỏa áp lực ở một số trường nội thành, nội thị và tạo điều kiện giảm tải học sinh để các trường đủ chuẩn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

4. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

Quan tâm, hỗ trợ công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; phối hợp với ngành giáo dục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động các nguồn lực, tham mưu cho tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn nữa cho các đơn vị, trường học và toàn ngành phấn đấu đạt được các mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2021-2025.

5. Đối với UBND các huyện, thành phố

Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thường xuyên việc xây dựng trường chuẩn quốc gia đối với các trường trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, tài chính, đội ngũ,..., để các đơn vị trường học đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Bố trí lồng ghép kinh phí xây dựng nông thôn mới để xây dựng trường chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu đã đề ra.

Hàng năm, UBND huyện, thành phố thực hiện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở GDĐT) về tiến độ thực hiện Kế hoạch ở địa phương đề Sở GDĐT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm, và trường chuyên biệt giai đoạn 2016-2020 của ngành giáo dục và đào tạo. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, Nội vụ, TT&TT;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND huyện, thành phố;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT huyện, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Bảo

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN - TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2016-2020

Kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2016-2020																											
TT		Huyện, thành phố	Tổng số trường đã đạt chuẩn QG	Trong đó:		Chia ra																					
						Mầm non				Tiểu học				TH+THCS				THCS				THCS+THPT				THPT	
				Số trường	Tỷ lệ đạt	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %				
1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26					
	Cộng	290	118	40.69	140	34	24.29	262	45	17.18	59	4	6.78	108	23	21.30	28	6	21.43	22	6	27.27					
1	Rạch Giá	28	10	35.71	13	4	30.77	25	2	8.00	2		0.00	11	4	36.36	1		0.00	5		0.00					
2	Châu Thành	30	13	43.33	10	1	10.00	28	7	25.00	0			11	4	36.36	1	1	100.00	1		0.00					
3	Tân Hiệp	19	11	57.89	12	2	16.67	18	4	22.22	12	2	16.67	9	2	22.22	1		0.00	3	1	33.33					
4	Giồng Riềng	48	16	33.33	19	2	10.53	36	8	22.22	6		0.00	13			5	5	100.00	1	1	100.00					
5	Gò Quao	29	14	48.28	11	4	36.36	23	9	39.13				8	1	12.50	4		0.00	1		0.00					
6	An Biên	27	16	59.26	9	6	66.67	25	6	24.00	0			9	4	44.44	2		0.00	1		0.00					
7	An Minh	8	2	25.00	11	1	9.09	25	1	4.00	1		0.00	10		0.00	2		0.00	1		0.00					
8	U M Thượng	14	4	28.57	8	2	25.00	13	2	15.38	5		0.00	5		0.00	3		0.00								
9	Vĩnh Thuận	21	7	33.33	8	5	62.50	12	1	8.33	7		0.00	3		0.00	2		0.00	1	1	100.00					
10	Hòn Đất	30	11	36.67	14	5	35.71	26	2	7.69	6		0.00	11	3	27.27	4		0.00	2	1	50.00					
11	Kiên Lương	11	1	9.09	7		0.00	6		0.00	5		0.00	4		0.00	1		0.00	1	1	100.00					
12	Giang Thành	8	4	50.00	5		0.00	5	1	20.00	2	2	100.00	3	1	33.33	0			1		0.00					
13	Hà Tiên	12	7	58.33	4	1	25.00	6	1	16.67	3		0.00	6	4	66.67	0			1	1	100.00					
14	Phủ Quốc	4	1	25.00	8	1	12.50	11		0.00	9		0.00	4		0.00	0			3		0.00					
15	Kiên Hải	1	1	100.00	1		0.00	3	1	33.33	1		0.00	1		0.00	2		0.00								

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN - TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thời điểm cuối 2015										Kết quả thực hiện Đề án đến cuối năm 2020															
TT	Huyện, thành phố	Tổng số trường g	Số trường đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Tổng số trường g	Đã đạt chuẩn QG		Mầm non			Tiểu học			TH+THCS			THCS			THCS+THPT			THPT		
						Số trường g	Tỷ lệ đạt	Số trường g	Đạt chuẩn n QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Cộng	651	172	26.42	619	290	46.85	140	63	45.00	262	135	51.53	59	4	6.78	108	73	67.59	28	6	21.43	22	9	40.91
1	Rạch Giá	57	16	28.07	57	28	49.12	13	8	61.54	25	11	44.00	2	0	0.00	11	6	54.55	1	0	0.00	5	3	60.00
2	Châu Thành	51	17	33.33	51	30	58.82	10	6	60.00	28	15	53.57	0	0		11	8	72.73	1	1	100.00	1	0	0.00
3	Tân Hiệp	61	8	13.11	55	19	34.55	12	2	16.67	18	6	33.33	12	2	16.67	9	8	88.89	1	0	0.00	3	1	33.33
4	Giồng Riềng	90	31	34.44	80	48	60.00	19	3	15.79	36	23	63.89	6	0	0.00	13	16	123.08	5	5	100.00	1	1	100.00
5	Gò Quao	51	15	29.41	47	29	61.70	11	9	81.82	23	16	69.57		0		8	4	50.00	4	0	0.00	1	0	0.00
6	An Biên	46	12	26.09	46	27	58.70	9	7	77.78	25	14	56.00	0	0		9	6	66.67	2	0	0.00	1	0	0.00
7	An Minh	54	6	11.11	50	8	16.00	11	2	18.18	25	6	24.00	1	0	0.00	10	0	0.00	2	0	0.00	1	0	0.00
8	UM Thượng	36	10	27.78	34	14	41.18	8	3	37.50	13	8	61.54	5	0	0.00	5	3	60.00	3	0	0.00		0	
9	Vĩnh Thuận	36	18	50.00	33	21	63.64	8	7	87.50	12	9	75.00	7	0	0.00	3	4	133.33	2	0	0.00	1	1	100.00
10	Hòn Đất	65	18	27.69	63	30	47.62	14	9	64.29	26	12	46.15	6	0	0.00	11	8	72.73	4	0	0.00	2	1	50.00
11	Kiên Lương	26	10	38.46	24	11	45.83	7	3	42.86	6	4	66.67	5	0	0.00	4	3	75.00	1	0	0.00	1	1	100.00
12	Giang Thành	16	4	25.00	16	8	50.00	5	0	0.00	5	3	60.00	2	2	100.00	3	3	100.00	0	0		1	0	0.00
13	Hà Tiên	20	4	20.00	20	12	60.00	4	2	50.00	6	5	83.33	3	0	0.00	6	4	66.67	0	0		1	1	100.00
14	Phủ Quốc	32	3	9.38	35	4	11.43	8	2	25.00	11	2	18.18	9	0	0.00	4	0	0.00	0	0		3	0	0.00
15	Kiên Hải	10		0.00	8	1	12.50	1	0	0.00	3	1	33.33	1	0	0.00	1	0	0.00	2	0	0.00		0	

Ghi chú:

- Đơn vị có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 50 Huyện Vĩnh Thuận; Gò Quao; Giồng Riềng; Hà Tiên; Châu Thành; An Biên
- Đơn vị có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia thấp: Huyện Phú Quốc; Kiên Hải; An Minh; Tân Hiệp...

Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
XÂY DỰNG CƠ BẢN GIÁO DỤC 2016-2020

Biểu 03

Vốn XD CB						Bố trí đầu tư				
Năm	Tổng vốn đã bố trí XD CB cho ngành (triệu đồng)	Chia ra				Số phòng năm trước thi công đang dở chuyển sang (phòng)	Bố trí mới			
		Nguồn ngân sách (triệu đồng)	Nguồn Xổ số kiến thiết (triệu đồng)	Nguồn ODA (triệu đồng)	Nguồn CT mục tiêu (triệu đồng)		Số phòng tu sửa (phòng)	Số nhà vệ sinh xây mới (nhà)	Số phòng học xây mới (phòng)	Số phòng bộ môn xây mới (phòng)
Cộng	2,168,050	1,360,111	720,102	56,437	31,400	1,928	1,319	128	2,037	131
2016	555,132	374,243	169,889		11,000	247	405	33	537	18
2017	525,568	345,355	166,013		14,200	397	193	24	411	76
2018	519,155	283,239	180,916	55,000		367	441	21	541	37
2019	351,317	207,461	143,856			410	231	40	408	
2020	216,878	149,813	59,428	1,437	6,200	507	49	10	140	



Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIẾN GIANG

HUY ĐỘNG XÃ HỘI HÓA NĂM 2016 -2020
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIẾN GIANG

Biểu 04

T T	Tên dự án đầu tư	Nhà tài trợ	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Số phòn g	Tổng vốn dự án (triệu đồng)	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Chia ra					Ghi chú
								2016	2017	2018	2019	2020	
					178	296,941	174,989	90,500	49,930	17,000	7,559	10,000	
1	THPT Võ Văn Kiệt	Techcombank	TP Rạch Giá	2015-2016	45	105,000	55,000	55,000					
2	THCS Đông Hưng B	Bộ CA vận động	An Minh	2016-2017	30	15,000	15,000	7,000	8,000				
3	THPT Vĩnh Thuận	Ngân hàng NN & PTNT	Vĩnh Thuận	2016-2017	6	10,000	10,000	2,000	8,000				
4	MG Tân Thành	-nt-	Tân Hiệp	2016-2017	5	5,000	5,000	3,000	2,000				
5	THPT Vĩnh Bình Bắc	NH Công Thương+ Ngoại Thương	Vĩnh Thuận	2014-2019	18	42,211	20,000	5,000	5,000	5,000	5,000		
6	TH và THCS Vĩnh Phú B	Nhà máy xi măng Hà Tiên 1	Giang Thành	2016-2018	16	25,000	25,000	6,000	12,000	7,000			
7	MN Hoa Hồng	Ngân hàng Công thương	TP Rạch Giá	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
8	MN An Bình	-nt-	-nt-	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
9	MN Định An	-nt-	Gò Quao	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
10	MN Phong Đông	-nt-	Vĩnh Thuận	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
11	MN Ngọc Thuận	-nt-	Giồng Riềng	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
12	MG Bình Minh	SAISON CHILDREN'S CHARITY (SCC)	Vĩnh Thuận	2017	2	660	660		660				
13	MG Phong Đông	SAISON CHILDREN'S CHARITY (SCC)	Vĩnh Thuận	2017	2	660	660		660				
14	MN Vĩnh Phước A	Liên Hiệp các TC Hữu nghị Kiên Giang	Gò Quao	2017	3	700	700		700				
15	TH Vĩnh Hòa Hưng Nam 1	Liên Hiệp các TC Hữu nghị Kiên Giang	Gò Quao	2017	3	410	410		410				
16	PTCS Hòn Nghệ	Ngân Hàng NN&PTNT	Kiên Lương	2018-2019		5,000	5,000			5,000			
17	Bé bơi Trường THCS Nguyễn Du	Phụ huynh	Rạch Giá				2,559				2,559		
18	Trường Nhiều cấp học Kiên Bình	Nhà máy xi măng Insee Việt Nam	Kiên Lương	2020-2025	24	62,300	10,000					10,000	Khởi công 16/6/2020



TỔNG HỢP TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Đơn vị	Số trường đang kỳ công nhận mới đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học				Số trường đang kỳ công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học				Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	
	Cộng	154	39	55	47	13	208	56	93	55	4	2,335,669
1	Rạch Giá	8	3	2	3	0	17	6	5	6	0	260,000
2	Châu Thành	4	2	2	0	0	4	1	2	1	0	30,000
3	Tân Hiệp	11	2	2	7	0	18	2	6	10	0	157,750
4	Giồng Riềng	28	9	10	9	0	14	3	8	3	0	280,000
5	Gò Quao	7	1	3	3	0	28	9	15	4	0	280,500
6	An Biên	16	2	12	2	0	26	7	13	6	0	190,000
7	An Minh	13	5	4	4	0	8	2	6	0	0	168,100
8	UM Thượng	3	1	1	1	0	9	3	4	2	0	50,000
9	Vĩnh Thuận	9	1	4	4	0	19	7	9	3	0	55,000
10	Hòn Đất	9	4	3	2	0	26	9	10	7	0	278,800
11	Kiên Lương	4	2	2	0	0	11	3	4	4	0	97,900
12	Giang Thành	2	0	2	0	0	8	0	3	5	0	55,000
13	Hà Tiên	2	1	0	1	0	11	2	5	4	0	155,000
14	Phú Quốc	24	6	8	10	0	4	2	2	0	0	250,119
15	Kiên Hải	1	0	0	1	0	1	0	1	0	0	2,500
16	Sở GDĐT	13				13	4				4	25,000

PHÂN KỲ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN TỪNG NĂM CỦA CÁC BẬC HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Năm	Số trường phần đầu công nhận mới đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học				Số trường phần đầu công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học			
		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
2021	19	7	3	7	2	33	8	19	6	
2022	38	11	14	9	4	50	15	20	14	1
2023	38	10	15	10	3	43	10	20	12	1
2024	30	8	10	10	2	42	12	15	14	1
2025	29	3	13	11	2	40	11	19	9	1
Tổng cộng	154	39	55	47	13	208	56	93	55	4

